

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là CCHC) giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh Quảng Trị xây dựng Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Trị năm 2024, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 11/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Kế hoạch số 3647/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm tiếp tục xây dựng nền hành chính tỉnh Quảng Trị ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động thông suốt, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị địa phương; phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tiếp tục nâng cao thứ hạng Chỉ số CCHC cấp tỉnh (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục xác định: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trong đó cải cách thủ tục hành chính, cải thiện mức độ hài lòng của người dân, tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên để tổ chức, triển khai thực hiện và gắn với các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương và nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

- Đổi mới tư duy, đổi mới lề lối làm việc, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ CCHC năm 2024; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Bố trí đủ nguồn lực và có giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính khả thi của Kế hoạch này.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Tiếp tục triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các cuộc thi tìm hiểu về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Ban chỉ đạo CCHC Trung ương, của các bộ, ngành trung ương và của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và của năm 2024.

- Duy trì chế độ họp Ban chỉ đạo CCHC mỗi năm 02 lần để triển khai, thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo kế hoạch.

- Rà soát Bộ chỉ số đánh giá CCHC, hoàn thành nhiệm vụ để bổ sung, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kịp thời, phù hợp để cải thiện và nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS của tỉnh; thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính và hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Gắn kết quả CCHC với công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện các nhiệm vụ về CCHC.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm tra công tác CCHC; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao và chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án Hỗ trợ cơ sở vật chất và chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và bộ phận “Một cửa” cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2024-2030.

- Tiếp tục thực hiện ký cam kết giữa các thành viên BCĐ CCHC tỉnh với Chủ tịch UBND tỉnh nhằm tăng cường trách nhiệm của các thành viên BCĐ CCHC tỉnh, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, UBND các cấp.

- Tổ chức đối thoại giữa các cơ quan, đơn vị với người dân, doanh nghiệp nhằm giải quyết những vướng mắc khó khăn về thủ tục hành chính, khiếu nại, tố cáo ...; khảo sát đo lường mức hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính.

2. Cải cách thể chế, theo dõi thi hành pháp luật

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi, minh bạch, ổn định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện đầy đủ việc đánh giá tác động của chính sách trong quy trình xây dựng văn bản QPPL, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu ban hành chính sách, văn bản QPPL.

- Rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản QPPL đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, trọng tâm là các văn bản QPPL liên quan đến tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức. Tăng cường công tác kiểm tra văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.

- Hoàn thành việc hệ thống hóa văn bản QPPL theo kế hoạch đề ra. Công khai, minh bạch văn bản QPPL; xây dựng, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách của ngành và địa phương tạo động lực cho phát triển.

- Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Chú trọng công tác tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL.

- Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương và một số lĩnh vực trọng tâm: kinh doanh, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, tư pháp; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

- Ứng dụng công nghệ số để cải tiến các quy trình, thủ tục của các cơ quan hành chính. Giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, liên thông giữa các cơ quan hành chính, các ngành, các cấp và trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước; thanh toán trực tuyến trong giải quyết hồ sơ TTHC.

- Tổ chức triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, gắn việc số hoá với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; 100% UBND cấp xã triển khai chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

- Tập trung rà soát và cấu trúc lại quy trình, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch

vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong việc giải quyết các TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công. Thực hiện nghiêm việc báo cáo giải trình của người đứng đầu, xin lỗi người dân, doanh nghiệp và kịp thời khắc phục đối với các trường hợp để xảy ra quá hạn, tiêu cực trong giải quyết hồ sơ TTHC; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ, kiên quyết xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, làm phát sinh thêm TTHC, hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu điều kiện không đúng quy định hoặc nhiều lần để xảy ra tình trạng chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; chấm dứt tình trạng không trả lời hoặc trả lời chung chung, không cụ thể, không rõ ràng dứt khoát, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục kiện toàn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, các ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy bên trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức hành chính đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế trong giai đoạn 2022-2026 theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức chặt chẽ, khoa học, đảm bảo đúng quy định; mục tiêu đến 31/3/2024 hoàn thành việc phê duyệt 100% cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý; triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; các nhiệm vụ quy định phân cấp theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã thực hiện phân cấp cho các sở, ngành UBND cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức bộ máy, biên chế vị trí việc làm của các cơ quan đơn vị.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Cơ cấu, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế đối với các trường hợp dôi dư do rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự; dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính, do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm hoặc trường hợp chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ.
- Hoàn thành và tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học: “Nghiên cứu phương pháp đánh giá chất lượng chuyên môn nghiệp vụ công chức, viên chức khối nhà nước thông qua sát hạch định kỳ”.
- Thực hiện đúng quy định công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp và ứng xử cho đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại bộ phận mặt cửa.
- Chấn chỉnh việc chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát thực hiện công vụ, đạo đức công vụ, tác phong lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.
- Việc giao, sử dụng, quản lý biên chế phải đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 18- NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị.
- Tiếp tục thực hiện quản lý biên chế và tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, mục tiêu trong giai đoạn từ năm 2022-2026 giảm 88 chỉ tiêu biên chế công chức, tương ứng với 05% số giao năm 2021 và 1.607 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước, tương ứng 10% với số giao năm 2021. Triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026, trong đó giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 5% biên chế hành chính.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ chính sách cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021.
- Triển khai hiệu quả việc áp dụng chế độ chính sách tiền lương, chuyển xếp lương cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh sau khi Chính phủ ban hành

quy định hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức thay thế Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

6. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính, cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công thành Công ty cổ phần theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; Nghị định số 150/2020/NĐ-CP; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;...

- Quản lý hiệu quả tài sản công; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công.

- Thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch. Phân đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2024.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị, kết luận của cơ quan kiểm toán nhà nước, thanh tra.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy; Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu và triển khai hiệu quả các hệ thống phần mềm: Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống họp trực tuyến; Phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng/trang TTĐT thành phần của các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã,...

- Đẩy mạnh triển khai, thực hiện hoàn thành đúng và trước hạn các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thông qua hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2024; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

(Chi tiết các nhiệm vụ CCHC năm 2024 tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã

- Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ tại kế hoạch này và căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch CCHC năm 2024 của cơ quan, đơn vị mình theo quy định; tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

- Phổ biến, tuyên truyền Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và kế hoạch này; kết quả xếp hạng các chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, PCI, PAPI, ICT.... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC; đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với công tác CCHC.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về công tác CCHC qua Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ, thời gian đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục thực hiện các nội dung tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy; các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương tham mưu thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy; lĩnh vực nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định chỉ số CCHC năm 2023 của tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định. Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi bộ Chỉ số CCHC, mức độ hoàn thành nhiệm vụ phù hợp. Thực hiện đánh giá, xếp loại Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện, cấp xã và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và thực thi nhiệm vụ, công vụ của tỉnh năm 2024; đảm bảo kiểm tra ít nhất 30% số cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC năm 2024; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan có liên quan tuyên truyền đẩy mạnh công tác CCHC

trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch; kịp thời đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện tốt lĩnh vực cải cách TTHC, kiểm soát và đơn giản hóa TTHC; công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tích hợp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

- Quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu và triển khai hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh; theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức, vận hành có hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Nội vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả, kịp thời đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tăng cường thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền về công tác CCHC bằng các hình thức phù hợp nhằm góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

6. Sở Tài chính

- Tham mưu UBND, Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập, sử dụng dự toán và thanh, quyết toán kinh phí phục vụ công tác CCHC năm 2024.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện lĩnh vực cải cách tài chính công.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh; giải ngân vốn đầu tư công; đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp.

8. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo.

- Triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công, dịch vụ giáo dục.

9. Sở Xây dựng

Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp khả thi Đề án xây dựng Khu hành chính cấp tỉnh, tỉnh Quảng Trị (Trung tâm hành chính tập trung của tỉnh). Phối hợp với các sở, UBND cấp huyện thực hiện cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh trong thực hiện Nghị quyết 832/NQ UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan đẩy mạnh việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, môi trường và tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng hồ sơ TTHC trễ hạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hài lòng của người dân và tổ chức khi tiến hành các TTHC về đất đai, tài nguyên, môi trường.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

12. Công thông tin điện tử tỉnh Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

- Tiếp tục xây dựng, duy trì chuyên mục, chuyên trang về CCHC, tiếp nhận ý kiến của người dân, doanh nghiệp liên quan đến CCHC chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC do các cơ quan, đơn vị cân đối trong các nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có). Trường hợp vượt quá khả năng, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Trị;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh
- Lưu: VT, NC_(Y).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Lê Đức Tiến

CHI TIẾT CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số **250**/KH-UBND ngày **22** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Phụ lục



| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----------|--|--|--|--|--|---|---|
| I | CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH | | | | | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch CCHC, các nhiệm vụ trọng tâm về CCHC trong năm | Xác định nhiệm vụ cụ thể; Tổ chức triển khai kịp thời các nhiệm vụ CCHC | Xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC của tỉnh | Kế hoạch UBND tỉnh; Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị | Sở Nội vụ; các cơ quan tham mưu CCHC | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp huyện | - UBND tỉnh: trước ngày 25/12/2023 - Sở, huyện: trước ngày 31/01/2024 - Cấp xã: trước ngày 31/02/2024 |
| 2 | Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về CCHC và tổ chức thực hiện | Xác định nhiệm vụ cụ thể; giao nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị trong tuyên truyền CCHC Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho CB, CCVC, người dân, doanh nghiệp và xã hội | Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh Tuyên truyền công tác CCHC đến CB, CCVC và người dân | Kế hoạch Bài viết, phóng sự, cuộc thi; Báo cáo kết quả tuyên truyền | Sở Nội vụ - Sở TTTT; - UBND cấp huyện - UBND cấp xã | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp huyện Sở, ban, ngành cấp tỉnh | Quý I/2024 Cả năm 2024 |
| 3 | Triển khai Chỉ thị số 05-CT/TU ngày | Xác định trách nhiệm, nhiệm vụ cụ | Xây dựng Kế hoạch thực hiện. Tổ chức | Kế hoạch, công văn, Hội nghị | Các sở ban ngành | Văn phòng UBND tỉnh | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|--|--|--|--|----------------------------------|--|--|
| | 11/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các Nghị quyết 01, 02, 03 của BCS đảng UBND tỉnh về công tác CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh | thể | kiểm tra | quan triệt | | | |
| 4 | Nâng cao Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI..... | Cải thiện và nâng cao các Chỉ số | Báo cáo Tự đánh giá, chấm điểm; Kế hoạch; Công văn đôn đốc | Kế hoạch, Hội nghị | Sở Nội vụ | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp huyện - UBND cấp xã | Cả năm 2024 |
| 5 | Tổ chức kiểm tra công tác CCHC, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác chỉ đạo điều hành | Thực hiện kiểm tra công tác CCHC 30% các sở, UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tiến hành kiểm tra công tác CCHC 30% UBND cấp xã và cơ quan chuyên môn cấp huyện | Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC và tổ chức kiểm tra | Kế hoạch, Kết luận của đoàn kiểm tra, Các văn bản khác phục của đơn vị được kiểm tra | - Sở Nội vụ; - UBND cấp huyện | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp huyện - UBND cấp xã | Quý II, III, Quý IV và hoàn hành trước ngày 31/12 hàng năm |
| 6 | Đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan hành chính và Mức độ hoàn thành nhiệm vụ | Triển khai việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã | Tổ chức thẩm định, công bố kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã; Công bố xếp loại | Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và UBND cấp huyện | Sở Nội vụ | - Văn phòng UBND tỉnh - Sở Tư pháp, - Sở Tài chính. - Sở Thông tin và Truyền thông, - Sở KHĐT; - UBND cấp huyện | Năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----------------------------|---|--|---|---------------------------------------|--|---|-------------|
| 7 | Nghiên cứu xây dựng Đề án Hỗ trợ cơ sở vật chất và chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và bộ phận “Một cửa” cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2024-2030 | Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết | Xây dựng Đề án, Nghị quyết, Tờ trình | Đề án, Nghị quyết, Tờ trình | Sở Nội vụ | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp huyện - UBND cấp xã | Quý II/2024 |
| 8 | Tăng cường trách nhiệm của các thành viên BCD CCHC tỉnh, xử lý kịp thời các tình huống trong cải cách hành chính | Cam kết các nội dung nhằm hoàn thành các nhiệm vụ giữa thành viên BCD với Chủ tịch UBND tỉnh | Báo cáo kết quả cam kết | Bản cam kết, Báo cáo; Văn bản chỉ đạo | Sở Nội vụ | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp huyện - UBND cấp xã | Cả năm 2024 |
| 9 | Tổ chức đối thoại giữa các cơ quan, đơn vị với Doanh nghiệp; khảo sát mức hài lòng của người dân doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính. | Đo lường sự hài lòng của | Hội nghị, Điều tra | Hội nghị, báo cáo, thông báo | - Sở Nội vụ, - Sở KHĐT | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp huyện - UBND cấp xã | Cả năm 2024 |
| II CẢI CÁCH THỂ CHẾ | | | | | | | |
| 1 | Hoàn thiện hệ thống pháp luật | Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND | Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, Quyết định | Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND cấp | Sở Tư pháp | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|---|---|---|--|--|---|--|
| | | và UBND | Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết, Quyết định Thẩm định dự thảo văn bản Ban hành văn bản QPPL | Công văn Báo cáo thẩm định văn bản Nghị quyết, Quyết định | huyện Cơ quan soạn thảo văn bản QPPL - Sở Tư pháp; - Phòng Tư pháp | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện Các cơ quan, đơn vị liên quan | Cả năm 2024 Cả năm 2024 |
| 2 | Kiểm tra để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, khả hi, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận của văn bản QPPL | Kiểm tra văn bản QPPL | Tự kiểm tra Quyết định của UBND Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL Kiểm tra văn bản QPPL | Phiếu kiểm tra, Báo cáo nội dung trái pháp luật (nếu có). Kế hoạch Quyết định, Biên bản, Kết luận kiểm tra | - Sở Tư pháp, UBND cấp huyện - Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp - Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp - Sở Tư pháp; UBND cấp huyện | - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện. - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện. | Cả năm 2024 Tháng 01/2024 Cả năm 2024 |
| 3 | Rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương | Rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương | Kế hoạch rà soát văn bản QPPL Báo cáo kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trong năm rà | Kế hoạch Báo cáo | - Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện - UBND cấp xã - Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện - UBND cấp xã | - Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp - Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp - Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp | Trước ngày 15/01/2024 Trước ngày 18/11/2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|---|--|--|----------------------|---|--|--|
| | | | soát | | | | |
| | | | Công bố danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Quyết định | - Sở Tư pháp - UBND cấp huyện | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện | Trước ngày 31/01/2025 |
| | | Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 | Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 | Báo cáo | Sở, ban, ngành cấp tỉnh UBND cấp huyện | - Sở, ban, ngành - UBND cấp xã | Trước ngày 20/01/2024 Trước ngày 25/02/2024 |
| 4 | Hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương | Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 | Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 | Quyết định | UBND cấp huyện | Phòng Nội vụ; các cơ quan tham mưu CCHC cấp huyện và UBND cấp xã | Trước ngày 20/02/2024 |
| | | Công tác pháp chế | Xây dựng và ban hành Kế hoạch về công tác pháp chế | Kế hoạch | UBND tỉnh | Sở Nội vụ; các cơ quan tham mưu CCHC cấp tỉnh | Trước ngày 01/3/2024 |
| 5 | Tăng cường công tác pháp chế | Công tác pháp chế | | | Sở, ban, ngành cấp tỉnh | Sở Tư pháp | Tháng 01/2024 |
| 6 | Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và | Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và | Phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ | Kế hoạch Báo cáo | Sở Tư pháp; Các cơ quan chuyên | Kế hoạch TDTHPL của | Năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|---|---|--|--|---|---|----------------------------|
| | giáo dục pháp luật và tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh | tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh | chức, triển khai hiệu quả hoạt động theo dõi thi hành pháp luật | Đề xuất | môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện | UBND tỉnh trước ngày 30/01/2024 Kế hoạch TDTHPL của Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện trước ngày 15/02/2024 | |
| 7 | Kiểm tra, điều tra, khảo sát đánh giá tình hình thi hành pháp luật | Đánh giá tình hình thi hành pháp luật | Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật | Quyết định, Biên bản, Kết luận Phương án điều tra, khảo sát | Sở Tư pháp Sở Tư pháp | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Cả năm 2024 Cả năm 2024 |
| 8 | Ứng dụng CNTT trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Nâng cao chất lượng nhân lực trong công tác PBGDPL | Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Nâng cao chất lượng nhân lực trong công tác PBGDPL | Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hình thức công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông Tập huấn, đào tạo | Các công, Trang phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục được duy trì, vận hành Kế hoạch, Tài liệu, Báo cáo | Sở Tư pháp; Các sở, ngành; UBND cấp huyện Sở Tư pháp | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện Sở, ban, ngành cấp tỉnh | Cả năm 2024 Theo KH năm |
| 9 | Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả | Tăng cường vai trò của người dân, DN, | Tăng cường năng lực phản ứng chính | Các văn bản xử lý kết quả theo dõi | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; đối với | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp | Trước ngày 10/12/2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|--|--|--|--|---|--|---|--|
| | Thực thi pháp luật | các tổ chức CT-XH, XH- nghề nghiệp và cộng đồng trong phân biệt chính sách và giám sát THPL; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức THPL | sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật | thi hành pháp luật/Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hàng năm | xử lý kết quả TDTHPL; - Sở Tư pháp: đối với Báo cáo kết quả TDTHPL hàng năm | huyện | |
| III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | | | | | | | |
| 1 | Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC | Rà soát, thống kê, đề xuất cắt giảm các nội dung liên quan đến TTHC Tham mưu ban hành Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC | Rà soát, đánh giá TTHC, đề xuất phương án đơn giản hóa Rà soát, đánh giá TTHC, đề xuất phương án đơn giản hóa | Báo cáo Quyết định | Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện | Trước ngày 31/8/2024 Trước ngày 30/9/2024 |
| 2 | Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước | Rà soát, thống kê, đề xuất quy định cụ thể hoặc cắt giảm các nội dung liên quan đến TTHC nội bộ Tham mưu ban hành Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ | Rà soát, đánh giá TTHC, đề xuất phương án đơn giản hóa Rà soát, đánh giá TTHC, đề xuất phương án đơn giản hóa | Báo cáo Quyết định | Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện Văn phòng UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Trước ngày 30/11/2024 Trước ngày 01/01/2025 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|--|--|---|---|---|---|--|
| 3 | Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. | Triển khai có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên toàn tỉnh | Tập huấn, hướng dẫn cán bộ, công viên chức toàn tỉnh | Công chức, viên chức ứng dụng Hệ thống trong tiếp nhận, giải quyết, luân chuyển điện tử các hồ sơ TTHC. | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện và cấp xã | Sau khi Hệ thống được nâng cấp và đưa vào hoạt động |
| 4 | Đảm bảo 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ, | Đảm bảo đạt tỷ lệ 80% các hồ sơ TTHC được số hoá khi tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Thực hiện số hoá hồ sơ TTHC khi tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | Giấy tờ, tài liệu được số hoá | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện và cấp xã | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện và cấp xã | Hàng năm |
| | Đảm bảo 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ, | Triển khai có hiệu quả Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Tập huấn, tuyên truyền | Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện và cấp xã | Sau khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được nâng cấp |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|--|--|---|--|---|---|--|
| | tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC | Đảm bảo 100% hồ sơ TTHC được cấp kết quả điện tử và gắn vào Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Kết quả điện tử hồ sơ TTHC được lưu vào Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức và có thẻ tài sử dụng. | Kết quả hồ sơ TTHC điện tử được tái sử dụng | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện và cấp xã | | Sau khi Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức được triển khai |
| 5 | Đảm bảo 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên | Tích hợp TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia Nâng cao tỷ lệ giao dịch thanh toán phí, lệ phí trực tuyến qua cổng thanh toán Quốc gia | - Cấu hình phí, lệ phí của TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Cấu hình tài khoản thụ hưởng của đơn vị vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và CSDL quốc gia. Tuyên truyền, phổ biến | 80% các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện và cấp xã | Hàng năm |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|-----------|---|---|--|---|---|-------------------------------|--------------|
| | | Nâng cao tỷ lệ thủ tục hành chính có phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến | Rà soát danh mục TTHC có phí, lệ phí để tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán trực tuyến khi giao dịch | Tỷ lệ TTHC có phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến được nâng cao | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện và cấp xã | | Hàng năm |
| 6 | Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa | Nâng cao tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến | Rà soát, chuẩn hoá mẫu đơn, mẫu tờ khai điện tử | Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi dịch vụ công trực tuyến | - Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; - UBND cấp huyện | Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh | Thường xuyên |
| IV | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HCNN | Ban hành mới hoặc điều chỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định mới của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương | Rà soát chức năng, nhiệm vụ, thẩm định | Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức CQCM cấp tỉnh, cấp huyện; Ban, chi cục, đơn vị SNCL | Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện | - Sở Nội vụ - Phòng Nội vụ | Cả năm 2024 |
| 1 | 100% cơ quan, đơn vị được quy định đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành TW | | | | | | |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|--|--|---|--------------------------|---|---|------------------------------|
| 2 | Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị | Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, trọng tâm là sắp xếp tinh gọn hệ thống đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị. | Xây dựng đề án, thực hiện việc sắp xếp | Quyết định | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Sở Nội vụ | |
| 3 | 100% cơ quan, đơn vị được phê duyệt, điều chỉnh VTVL | Phê duyệt, điều chỉnh VTVL trong CQHC và đơn vị sự nghiệp trên toàn tỉnh | Xây dựng hoặc bổ sung Đề án, thẩm định | Quyết định | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan và UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |
| 4 | Tinh giản biên chế theo lộ trình | Tiếp tục thực hiện TGBC theo lộ trình đã được Chương trình tổng thể CCHC nhà nước đề ra (đến năm 2025 giảm 10% so với năm 2021) | Hướng dẫn, đôn đốc | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Tháng 5 và tháng 11 năm 2024 |
| 5 | Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền | Thực hiện các nội dung Phân cấp QLNN giữa các cấp chính quyền theo Nghị quyết của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh | Văn bản triển khai Kiểm tra nội dung phân cấp | Quyết định Báo cáo | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Theo Kế hoạch phê duyệt |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|---------------------------|--|---|---|--|---|--|-------------------------|
| 6 | Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra TCBM, biên chế, VTVL | Thanh tra, kiểm tra về công tác tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị | Tổ chức thanh tra, kiểm tra | Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; Kết luận thanh tra, kiểm tra | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Theo Kế hoạch phê duyệt |
| V CẢI CÁCH CÔNG VỤ | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài | Thực hiện sát hạch cán bộ, công chức | Hoàn thiện và thực hiện Đề tài: “Nghiên cứu phương pháp đánh giá chất lượng chuyên môn nghiệp vụ công chức, viên chức khối NN thông qua sát hạch định kỳ” | Đề tài khả thi; Kế hoạch; Báo cáo | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |
| 2 | Tuyển dụng, thu hút công chức và viên chức | Thực hiện thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thi/xét nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp | Các văn bản hướng dẫn thực hiện. | Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp | Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Đơn vị sự nghiệp | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp | Cả năm 2024 |
| 3 | Đánh giá xếp loại CBCCVC làm cơ sở cho công tác thi đua khen thưởng | Rà soát, tuyển dụng công chức cấp xã | Kế hoạch; Tổ chức thi tuyển, xét tuyển | Quyết định | UBND cấp huyện và cấp xã | Sở Nội vụ | Cả năm 2024 |
| | | - Hướng dẫn thực hiện đánh giá, xếp loại CVCCVC - Xây dựng quy chế | - Quy chế đánh giá - Báo cáo kết quả | Quyết định; Báo cáo | Sở, ban, ngành, Đơn vị sự nghiệp, UBND cấp huyện | Sở Nội vụ | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|---|--|--|---|--------------------------------|--|------------------------|
| | | và thực hiện đánh giá CBCCVC | | | | | |
| 4 | Bồi dưỡng theo chức danh cán bộ, công chức, viên chức | ĐTBD và tổ chức các lớp ĐTBD CBCCVC; đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng. | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng với hình thức phù hợp | Kế hoạch đào tạo năm | Sở Nội vụ | Các cơ sở đào tạo trong tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Theo KH được phê duyệt |
| 5 | Kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ và chấp hành các quy định của nhà nước về công chức, công vụ (thực hiện theo Kế hoạch định kỳ, đột xuất). | Thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ và chấp hành các quy định của nhà nước về công chức, công vụ | Tổ chức thanh tra, kiểm tra | - Kế hoạch - Báo cáo kết quả, Văn bản khác phục sau thanh tra, kiểm tra. | Sở Nội vụ | UBND cấp huyện và cấp xã | Theo KH được phê duyệt |
| 6 | Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách | Giải quyết chế độ, chính sách đối với CBCC do dôi dư và sắp xếp các ĐVHC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã | Rà soát, xây dựng đề án, phương án, đề xuất; Xếp lương; Chi trả chế độ | - Nghị quyết HĐND tỉnh - Quyết định UBND tỉnh | Sở Nội vụ; Sở Tài chính | Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp huyện và cấp xã | Cả năm 2024 |
| 7 | Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng quản lý; đánh giá CBCCVC | Hoàn thiện phần mềm quản lý, tổ chức đánh giá chất lượng CBCCVC | Phần mềm được hoàn thiện | Quyết định; Hướng dẫn thực hiện | Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban, ngành; cấp huyện; các ĐVSN công lập | Cả năm 2024 |
| 8 | Trao đổi, học tập kinh nghiệm, áp dụng các mô hình hay, có hiệu quả tại các tỉnh và | Tổ chức hoặc tham gia các Đoàn trao đổi học tập kinh nghiệm trong nước và nước | Cử cán bộ, công chức, viên chức học tập kinh nghiệm | Quyết định | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành; cấp huyện; các ĐVSN công lập | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|-----------------------------------|--|---|---|---|---|---|----------------------|
| | ngoài nước | ngoài | | | | | |
| 9 | Cải cách chính sách tiền lương cán bộ, công chức, viên chức | Tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định của Trung ương | Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện | Quyết định tiền lương | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành; cấp huyện; các ĐVSN công lập | Theo quy định của TW |
| VI CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG | | | | | | | |
| 1 | Tiếp tục thực hiện phương án chủ tài chính của cơ quan, đơn vị theo quy định | Thực hiện phương án tự chủ tài chính của cơ quan, đơn vị theo quy định | Thực hiện phương án tự chủ cho các cơ quan, đơn vị | Báo cáo của các đơn vị | Sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; Đơn vị sự nghiệp công lập | Sở Tài chính | Cả năm 2024 |
| 2 | Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước | Danh mục dịch vụ | Tiến hành rà soát, thẩm định và xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh | Nghị quyết, Quyết định | Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Sở Tài chính | Cả năm 2024 |
| 3 | Quản lý tốt công tác tài chính, ngân sách | Kiểm soát chặt chẽ NSNN về chi thường xuyên và đầu tư công. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ NSNN; thực hiện tốt quy định về quy chế CTNB, công khai tài chính và PCTNLP. | Rà soát, theo dõi, hướng dẫn thực hiện | Quyết định kiểm tra, thanh tra; báo cáo thực hiện; Kết luận kiểm tra, thành tra | - Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư (chủ trì theo dõi về đầu tư công) | Cục Thuế, Hải quan, KBNN tỉnh; Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|--|---|---|---|--------------|--|---------------------|
| 4 | Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước | Tiếp tục thực hiện có phần hóa các DNNN theo lộ trình; Thực hiện chuyển đổi đơn vị SNCL thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP | - Tiếp tục thoái vốn nhà nước tại các: Doanh nghiệp nhà nước -Chuyển các ĐVSNCCL thành công ty cổ phần | Quyết định | Sở Tài chính | Sở, ban, ngành có liên quan | Giai đoạn 2021-2030 |
| 5 | Phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2024 | - Triển khai các giải pháp thực hiện thu ngân sách đạt, vượt chỉ tiêu giao năm 2024; - Tổ chức rà soát các quy định về phí, lệ phí (danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí; tỷ lệ để lại, nộp ngân sách các khoản phí) trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, góp phần tăng thu ngân sách | Theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước, các nguồn thu trên địa bàn | Báo cáo kết quả thu ngân sách; Quy định của cơ quan có thẩm quyền về về phí, lệ phí | Sở Tài chính | Cục Thuế, Hải quan, KBNN tỉnh; các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|------------|---|--|--|---------------------------------|--|--|-------------|
| 6 | Thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị, kết luận của cơ quan kiểm toán nhà nước, thanh tra | | Đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện | Báo cáo | Sở Tài chính | Cơ quan, đơn vị, địa phương có kết luận, kiến nghị sau kiểm toán | Cả năm 2024 |
| 7 | Thực hiện giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ theo kế hoạch | | Đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện | Báo cáo | Sở Kế hoạch và đầu tư | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |
| VII | XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ | | | | | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch chuyên đổi số và đảm bảo an toàn thông tin năm 2024 | Xác định nhiệm vụ, thời gian cụ thể, phân công cơ quan, đơn vị thực hiện | Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh; Kế hoạch của từng cơ quan, đơn vị | Kế hoạch, Công văn, Báo cáo | Sở Thông tin và Truyền thông; Phòng VHHT | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Quý I/2024 |
| 2 | Tiếp tục triển khai chuyên đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tại Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy; Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh | Rà soát các nhiệm vụ mục tiêu của Nghị quyết và tiếp tục triển khai | Xây dựng chương trình, kế hoạch | Chương trình; Kế hoạch; Báo cáo | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |
| 3 | Xây dựng kho CSDL dùng chung tỉnh | Cơ sở dữ liệu được tạo lập phục vụ công tác QLNN | Tạo lập nguồn dữ liệu; thu thập, xử lý dữ liệu, lưu trữ và | Kho cơ sở dữ liệu | Sở TT và TT | Sở, ban ngành và UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|--|---|---|----------------------------------|---------------------|-------------------------------|-------------|
| 4 | Triển khai Nghị định số 42/2022/NĐ-CP | Triển khai DVCTT toàn trình và một phần theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP | chia sẻ dữ liệu Công bố danh mục DVCTT toàn trình và một phần; Công khai lên công DVC Quốc gia | Hướng dẫn; Quyết định công bố | Văn phòng UBND tỉnh | Các đơn vị có liên quan | Cả năm 2024 |
| 5 | Tiếp tục triển khai kết nối với Cơ sở DLQG về Dân cư cho Hệ thống TT giải quyết TTHC tỉnh để phục vụ khai thác, xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong CSDL quốc gia về dân cư | Kết nối liên thông Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư | Hệ thống được kết nối | Hệ thống được kết nối | Văn phòng UBND tỉnh | Các đơn vị có liên quan | Cả năm 2024 |
| 6 | Xây dựng hệ thống cập nhật, tra cứu văn bản của UBND tỉnh, các sở ban ngành và địa phương | Xây dựng hệ thống thông tin | HTTT cập nhật, tra cứu văn bản đi, đến của các CQNN | Phần mềm | Văn phòng UBND tỉnh | Các đơn vị có liên quan | Cả năm 2024 |
| 7 | Thực hiện thuê dịch vụ triển khai phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan trên | Xây dựng phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử (theo QĐ 1982) | Phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan | Phần mềm; Tập huấn sử dụng | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |

| TT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/ Sản phẩm | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian |
|----|---|---|--|--|---------------------|-------------------------------|--------------|
| 8 | phần mềm QLVB và Hồ sơ công việc Xây dựng và nâng cấp phần mềm báo cáo kết quả và thời gian xử lý văn bản của các đơn vị Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh | Xây dựng và nâng cấp hoàn thiện phần mềm | Phần mềm báo cáo kết quả và thời gian xử lý văn bản của các đơn vị Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh | Phần mềm | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ban ngành; UBND cấp huyện | Cả năm 2024 |
| 9 | Ứng dụng hiệu quả phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc | Phần mềm được sử dụng và ứng dụng có hiệu quả | Xử lý văn bản và tạo lập hồ sơ công việc trên môi trường mạng; áp dụng chữ ký số | - Hồ sơ tạo lập theo tỷ lệ: tỉnh 90%, huyện 70%, xã 70%; - Chữ ký số theo tỷ lệ: tỉnh 80%, huyện 70%, xã 60%. | Văn phòng UBND tỉnh | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |